

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU ICD VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TOÀN CẦU ICD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ICD VIETNAM GLOBAL MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ICD VINA CO.LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109660438

**3. Ngày thành lập:** 04/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đường 23B, Thôn Đại Đồng, Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0905859186

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                   | 3900        |
| 2.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                   | 4513        |
| 3.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                          | 3312        |
| 4.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                            | 3821        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                     | 4659        |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                        | 2220(Chính) |
| 7.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                      | 3811        |
| 8.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                      | 4520        |
| 9.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                      | 2651        |
| 10. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về môi trường; Tư vấn về công nghệ      | 7490        |
| 11. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                  | 4530        |
| 12. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                                                 | 2211        |
| 13. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                       | 3700        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 15. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán và ký gửi hàng hóa                                           | 4610        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                      | 4933        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931 |
| 18. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                            | 5210 |
| 19. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                               | 4774 |
| 21. | In ấn<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                        | 1811 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ kinh doanh dược phẩm)                                                                                                        | 4649 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                        | 2219 |
| 25. | Tái chế phế liệu<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                             | 3830 |
| 26. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                     | 4511 |
| 27. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320 |
| 28. | Thu gom rác thải độc hại<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                     | 3812 |
| 29. | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                           | 3822 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VĂN THĂNG   | Việt Nam  | Nhà máy bê tông Thăng Long, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.805.000.000         | 95,000    | 001085020551                                                                                            |         |
| 2   | HOÀNG THỊ TUỔI | Việt Nam  | Nhà máy bê tông Thăng Long, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 95.000.000            | 5,000     | 001188013631                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN THĂNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/01/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085020551

Ngày cấp: 20/07/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Nhà máy bê tông Thăng Long, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Cụm 5, thôn Cầu, Xã Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội